

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 24/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Thanh;

Ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS, ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 4 năm 1997 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn M, sinh năm 1960 và bà Trần Thị C, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số: 85/2023/HS-ST ngày 11-12-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 01 (một) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/8/2024 (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2025 đến nay; có mặt.

2. Nông Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 3 năm 2001 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn B (đã chết)

và bà Lành Thị T1, sinh năm 1983; có vợ là Dương Mùi N, sinh năm 2003 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2025 đến nay; có mặt.

3. Nông Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15 tháng 9 năm 1992 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lành Văn V, sinh năm 1967 và bà Nông Thị H, sinh năm 1968; có vợ là Hoàng Thị Q, sinh năm 1990 và có con 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2025 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lành Văn V, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/5/2025, Hoàng Văn S đi bộ từ nhà đến thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn) để tìm gặp Nông Văn T. Khi gặp Nông Văn T, Hoàng Văn S rủ Nông Văn T góp tiền mua ma túy về sử dụng thì Nông Văn T đồng ý và bảo góp 1.300.000 đồng, còn Hoàng Văn S góp 4.000.000 đồng. Sau đó, Hoàng Văn S gọi cho Nông Văn Đ qua ứng dụng messenger bảo Nông Văn Đ đến khu vực thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn chờ Hoàng Văn S và Nông Văn T ra thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn). Nông Văn Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 12A - 078.28 đi từ khu vực N, thôn B đến đón Hoàng Văn S và Nông Văn T. Khi gặp Nông Văn Đ, Hoàng Văn S nói với Nông Văn Đ là chờ Hoàng Văn S và Nông Văn T ra thị trấn L để mua ma túy, Hoàng Văn S sẽ trả tiền công là 200.000 đồng và chia ma túy cho Nông Văn Đ để sử dụng thì Nông Văn Đ đồng ý. Trên đường đi Nông Văn T đưa cho Hoàng Văn S 1.300.000 đồng để mua ma túy. Khi đi đến bãi đất thuộc khu N, xã L, Nông Văn T và Nông Văn Đ chờ ở xe còn Hoàng Văn S đi bộ khoảng 800m để mua 5.300.000 đồng ma túy Heroin từ một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch). Khoảng 10 phút sau, Hoàng Văn S nhận từ người đàn ông không rõ lai lịch 01 gói nilon màu đen bên trong có: 01 tờ tiền 1.000 đồng gấp lại chứa ma túy Heroin; 01 gói giấy màu trắng chứa Heroin; 01 tờ tiền 10.000 đồng gấp lại có chứa ma túy Heroin. Sau khi mua được ma túy Hoàng Văn S quay lại xe đưa cho Nông Văn T 01 gói ma túy được gói bằng tờ tiền 10.000 đồng, Nông Văn T lấy túi nilon màu đỏ

trên xe bọc lại, dùng bật lửa hơ kín và giấu vào trong chai nước khoáng rồi cài chai nước vào phía sau ghế phụ trước mặt Nông Văn T. Hoàng Văn S dùng 01 túi nilon màu đỏ bọc gói ma túy được gói bằng tờ tiền 1.000 đồng và lấy 01 túi nilon màu đen cuộn bên ngoài gói ma túy được gói bằng giấy trắng rồi cho cả hai gói ma túy vào bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, sau đó để dưới ghế ngồi của Hoàng Văn S. Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, khi Nông Văn Đ chở Nông Văn T và Hoàng Văn S đến thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng cửa khẩu C phối hợp với Công an xã T và Hải Quan cửa khẩu C - Chi cục Hải quan khu vực 5 phát hiện bắt quả tang tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bản Kết luận giám định số 379/KL-KTHS ngày 14/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 (một) phong bì ghi chữ “ĐOÀN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU C QT Hoàng Văn S”, bên trong có: Chất bột màu trắng có trong 01 (một) gói giấy (một mặt có chữ đánh máy) và 01 (một) gói (bằng tờ tiền 1000 VNĐ) gửi giám định đều là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng 2,366 gam (đã trừ bì); 01 (một) phong bì ghi chữ “ĐOÀN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU C QT Nông Văn T”, bên trong có: Chất bột màu trắng có trong 01 (một) gói (bằng tờ tiền 10.000 VNĐ) gửi giám định là chất ma túy Heroin, có khối lượng 0,623 gam (đã trừ bì).

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSKV5, ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T, Nông Văn Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T, Nông Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lành Văn V trình bày: Ông là bố của bị cáo Nông Văn Đ và là người mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 12A - 078.28 vào tháng 12/2024. Do ông không có bằng lái xe ô tô nên ông giao chiếc xe này cho bị cáo Nông Văn Đ sử dụng để phục vụ cho công việc, sinh hoạt gia đình. Đây là xe ô tô của ông nhưng ông không biết việc bị cáo Nông Văn Đ sử dụng xe ô tô của ông để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe ô tô trên cho ông để phục vụ nhu cầu đi lại của gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T, Nông Văn Đ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn S. Áp dụng điểm

c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T và Nông Văn Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù; đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 22 (hai mươi hai) tháng đến 26 (hai mươi sáu) tháng tù; đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn Đ từ 16 (mười sáu) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định do là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 (một) vỏ chai nhựa; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long do có liên quan đến tội phạm và không có giá trị. Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước đối với tờ tiền 10.000 đồng và tờ tiền 1.000 đồng đựng trong 01 (một) phong bì ghi chữ “Tờ tiền 10.000 + tờ tiền 1000” (VNĐ); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ, số IMEI1: 867470041402378, Số IMEI2: 867470041402360, lắp sim số thuê bao 0868.977.543; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh nhạt, Số IMEI1: 861428058287856, IMEI2: 861428058287849, lắp sim số thuê bao 0357.308.106. Trả cho bị cáo Nông Văn T 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI 353047093738874, lắp sim thuê bao 0332069320. Trả cho ông Lành Văn V 01 (một) xe ô tô hiệu Suzuki APV màu bạc, biển kiểm soát: 12A - 078.28. Các bị cáo Nông Văn Đ, Nông Văn T được miễn án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo Hoàng Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Đ cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Nông Văn Sơn không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành

tổ tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 12/5/2025 và phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vào hồi 17 giờ 10 phút ngày 12/5/2025 các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T có hành vi góp tiền cùng nhau mua ma túy Heroine với một người đàn ông tại xã L, tỉnh Lạng Sơn nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Trong đó, bị cáo Hoàng Văn S góp 4.000.000 đồng, bị cáo Nông Văn T góp 1.300.000 đồng. Bị cáo Nông Văn Đ biết rõ bị cáo Hoàng Văn S và Nông Văn T đi mua ma túy về sử dụng nhưng do được trả tiền công là 200.000 đồng và hứa sẽ được chia ma túy về sử dụng nên đồng ý sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 12A – 078.28 chở Hoàng Văn S và Nông Văn T đi mua ma túy. Khi các bị cáo đang di chuyển trên đường về nhà đến địa phận thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt và thu giữ các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T đang tàng trữ trái phép chất ma túy trên xe ô tô. Theo kết luận giám định số 379/KL-KTHS ngày 14/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn: Chất bột màu trắng thu giữ của Hoàng Văn S gửi giám định đều là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng 2,366 gam (đã trừ bì); Chất bột màu trắng thu giữ của Nông Văn T gửi giám định là chất ma túy Heroin, có khối lượng 0,623 gam (đã trừ bì). Tổng cộng là 2,989 gam. Như vậy, bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T có hành vi cất giấu 2,989 gam Heroin để nhằm mục đích sử dụng; bị cáo Nông Văn Đ có hành vi sử dụng xe ô tô để đưa Hoàng Văn S, Nông Văn T mua ma túy về sử dụng với mục đích hưởng tiền công và ma túy sử dụng cho bản thân nên các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T, Nông Văn Đ đã đồng phạm với nhau về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn trong xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ tác hại của ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân và vì vụ lợi các bị cáo vẫn cố thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T cùng nhau góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, sau khi mua được ma túy thì đã tự chia nhau phần ma túy của mỗi người nên phải chịu trách

nhiệm với khối lượng ma túy mà mình tàng trữ trái phép. Bị cáo Hoàng Văn S là người khởi xướng rủ bị cáo Thịnh đi mua ma túy, đứng ra giao dịch và góp số tiền mua ma túy nhiều gấp hơn 03 lần bị cáo Nông Văn T nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức cao hơn. Bị cáo Nông Văn Đ là người trực tiếp lái xe chở Hoàng Văn S, Nông Văn T đi mua ma túy với mục đích được trả tiền công 200.000 đồng và được chia ma túy để sử dụng nên bị cáo đồng phạm về hành vi tàng trữ trái phép của các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T và vai trò của bị cáo là người giúp sức.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn S có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn S bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 (một) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo Bản án số: 85/2023/HS-ST ngày 11-12-2023 chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Đ chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được xác định là người có nhân thân tốt.

[8] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng nên cần có hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần cân nhắc, xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo tốt.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng vụ án:

[10.1] Đối với 2,814 gam ma túy Heroine còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu để

tiêu hủy; Đồi 01 (một) vỏ chai nhựa; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, có liên quan đến việc phạm tội và không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

[10.2] Đối với tờ tiền 10.000 đồng và tờ tiền 1.000 đồng, bị cáo sử dụng để gói ma túy, có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ, số IMEI: 867470041402378, số IMEI2: 867470041402360, lắp sim số thuê bao 0868.977.543 thu giữ của Hoàng Văn S và chiếc điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh nhạt, số IMEI 861428058287856, số IMEI 2: 861428058287849, lắp sim số thuê bao 0357.308.106 thu giữ của Nông Văn Đ là phương tiện sử dụng liên lạc để đi mua ma túy về tàng trữ nhằm mục đích sử dụng, có liên quan đến hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[10.3] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI 353047093738874; lắp sim số thuê bao 0332.069.320 thu giữ của Nông Văn T do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nông Văn T.

[10.4] Đối chiếc xe ô tô hiệu Suzuki APV màu bạc, biển kiểm soát: 12A - 078.28. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ chiếc xe này là do ông Lành Văn V bố của bị cáo mua để phục vụ nhu cầu đi lại của gia đình. Do ông Lành Văn V chưa có giấy phép lái xe ô tô nên giao xe cho con trai là Nông Văn Đ sử dụng nhưng chưa chuyển giao quyền sở hữu cho Nông Văn Đ. Ngày 12/5/2025, bị cáo Nông Văn Đ sử dụng chiếc xe ô tô để chở Hoàng Văn S và Nông Văn T đi mua ma túy nhưng ông Lành Văn V không biết nên ông Lành Văn V không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe ô tô trên cho chủ sở hữu là ông Lành Văn V.

[11] Đối với người đã bán ma túy cho bị cáo Hoàng Văn S ngày 12/5/2025, tại khu vực thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn), do bị cáo không biết được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh để xử lý trong vụ án này, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Các bị cáo Nông Văn Đ, Nông Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đề nghị xem xét miễn án phí tại phiên tòa nên bị cáo Nông Văn Đ, Nông Văn T được miễn toàn bộ án phí. Bị cáo Hoàng Văn S bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền

kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn S;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Đ;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S, Nông Văn T, Nông Văn Đ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 12/5/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn S.

2.2. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 12/5/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn T.

2.3. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 12/5/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn Đ.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì ghi chữ “ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU C QT Hoàng Văn S” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, đại diện cơ quan trong cầu và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 2,244 gam Heroin và các vỏ bao gói (cũ);

- 01 (một) phong bì ghi chữ “ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU C QT Nông Văn T” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, đại diện cơ quan trung cầu và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,570gam Heroin và các vỏ bao gói (cũ);

- 01 (một) vỏ chai nhựa cũ (đã qua sử dụng);

- 01 (một) vỏ bao thuốc là Thăng Long màu vàng (cũ, đã qua sử dụng);

3.2. Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) tờ tiền 10.000 đồng và 01 (một) tờ tiền 1.000 đồng được đựng trong 01 (một) phong bì ghi chữ “Tờ tiền 10000 + tờ tiền 1000”, được niêm phong bằng: Các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn; Chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ, số IMEI: 867470041402378, số IMEI2: 867470041402360, lắp sim số thuê bao 0868.977.543 (tình trạng: Cũ đã qua sử dụng, kính màn hình bị vỡ góc phía trên bên phải);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh nhạt; Số IMEI 861428058287856, số IMEI 2: 861428058287849, lắp sim số thuê bao 0357.308.106 (tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng);

3.3. Trả lại cho ông Lành Văn V: 01 (một) xe ô tô hiệu Suzuki APV màu bạc, biển kiểm soát: 12A - 078.28 (xe cũ, đã qua sử dụng), số máy G16AID118059, số khung RL1GDN71V7V100457, vỡ đèn hậu phải;

3.4. Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số IMI 353047093738874; lắp sim số thuê bao 0332.069.320 (tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng).

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25-8-2025 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn)

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam L – Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Thị Vệ